

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 178/2025/HS-PT

Ngày: 12-9-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Công Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 146/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Hà Đức D, do có kháng cáo của Công ty cổ phần X đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 108/2025/HS-ST ngày 09/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng).

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: Hà Đức D, sinh ngày 20/4/1975 tại Nghệ An. Nơi cư trú: số C, đường N, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn D1, sinh năm: 1949 và bà Ngũ Thị V, sinh năm: 1948; có vợ là bà Trần Thị T, sinh năm: 1977 và có 03 con, lớn nhất sinh năm: 1996, nhỏ nhất sinh năm: 2014; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 19/3/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng) xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; có mặt.

- Bị hại liên quan đến kháng cáo:

1. Vợ chồng ông Nguyễn Vĩnh Đ, sinh năm: 1981, bà Trần Phương T1, sinh năm: 1977; địa chỉ: số H, đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

2. Bà Trần Thị V1, sinh năm: 1962, địa chỉ: số A, đường P, Phường I, thành phố Đ (nay là phường L - Đ), tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

- Bị đơn dân sự có kháng cáo:

Công ty cổ phần X. Trụ sở: số D - D, đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm: 1987, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 39-2025/UQ-FUTA ngày 21/4/2025); địa chỉ: số B, đường T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Trần T3, sinh năm: 1994; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L (nay là xã P), tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

2. Ông Đồng Viết Q, sinh năm: 1992; địa chỉ: thôn L, xã T, (nay là xã P), tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

3. Ông Giáp Văn L, sinh năm: 1985; địa chỉ: thôn V, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Đức D có giấy phép lái xe hạng E do Sở giao thông vận tải tỉnh L cấp ngày 05/10/2023, có giá trị đến ngày 05/10/2028. Ngày 01/6/2024 D điều khiển xe ô tô khách biển kiểm soát 50F-054.09 của Công ty cổ phần X từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Đ. Khoảng 04 giờ 10 phút ngày 02/6/2024 khi D điều khiển xe đến Km 196 + 200, quốc lộ B thuộc địa phận xã P, huyện Đ thì va chạm với xe ô tô tải biển kiểm soát 89H-020.64 do ông Lê Trần T3, sinh năm: 1994, hộ khẩu thường trú: thôn T, xã T, huyện L (nay là xã P), tỉnh Lâm Đồng đang dừng phía trước bên phải cùng chiều. Hậu quả: 03 hành khách trên xe ô tô khách biển kiểm soát 50F-054.09 gồm: Nguyễn Vĩnh Đ, sinh năm: 1981, hộ khẩu thường trú: số H, đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), bà Trần Thị V1, sinh năm: 1962, hộ khẩu thường trú: Phường I, thành phố Đ (nay là phường L - Đ), tỉnh Lâm Đồng, bà Trần Phương T1, sinh năm: 1977, hộ khẩu thường trú: Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) bị thương, hai phương tiện hư hỏng.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được xác định: nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông trên là do lỗi Hà Đức D điều khiển xe thiếu chú ý quan sát nên tông vào xe khác đang dừng phía trước bên phải cùng chiều. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã trưng cầu giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể và cơ chế hình thành vết thương của ông Nguyễn Vĩnh Đ, bà Trần Phương T1 và bà Trần Thị V1; xét nghiệm nồng độ cồn và chất ma túy của Hà Đức D2, kết quả như sau:

- Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 553/KLTTCTPYLD ngày 04/9/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh L kết luận xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Thị V1 tại thời điểm giám định là 01% (một phần trăm), tổn thương do va đập (BL 112 – 115).

- Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 5852/KLTTCT-C09B ngày 27/9/2024 của Phân viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Vĩnh Đ tại thời điểm giám định là 74% (bảy mươi bốn phần trăm), các thương tích trên cơ thể Nguyễn Vĩnh Đ có đặc điểm phù hợp do tác động tương hỗ với vật tày gây ra (BL 116-117).

- Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 5851/KLTTCT-C09B ngày 21/10/2024 của Phân viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Phương T1 tại thời điểm giám định là 28% (hai mươi tám phần trăm), các thương tích trên cơ thể Trần Phương T1 có đặc điểm phù hợp do tác động tương hỗ với vật tày gây ra.

- Kết quả đo nồng độ cồn bằng máy đo thổi của Phòng C Công an tỉnh L đối với Hà Đức D lúc 08 giờ 47 phút ngày 02/6/2024 là 0,000mg (BL 330).

- Kết quả xét nghiệm chất gây nghiện trong nước tiểu của Hà Đức D lúc 15 giờ 00 phút ngày 02/6/2024 là âm tính (BL 326).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có yêu cầu định giá thiệt hại tài sản bị hư hỏng là xe ô tô tải biển kiểm soát 89H-020.64 trong vụ tai nạn giao thông ngày 02/6/2024. Ngày 20/8/2024 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Đ có Kết luận định giá tài sản số 92/KL-HĐĐGTS xác định giá trị thiệt hại hư hỏng của xe ô tô tải biển kiểm soát 89H-020.64 là 36.543.000đ (BL 122-123).

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra Hà Đức D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Về vật chứng: Đối với xe ô tô tải biển kiểm soát 89H-020.64 đã trả lại chủ sở hữu là ông Giáp Văn L; đối với xe ô tô khách biển kiểm soát 50F-054.09 đã trả lại chủ sở hữu là Công ty cổ phần X.

Về trách nhiệm Dân sự: Đối với thương tích của ông Nguyễn Vĩnh Đ, bà Trần Phương T1 (ông Đ và bà T1 là vợ chồng): Công ty cổ phần X và ông Hà Đức D đã chi trả số tiền viện phí điều trị thương tích của ông Đ và bà T1 là 216.000.000đ. Ông Đ yêu cầu được bồi thường tổn thương cơ thể và tinh thần thêm 150.000.000đ, bà T1 yêu cầu được bồi thường tổn thương cơ thể và tinh thần thêm 50.000.000đ. Đối với thương tích của bà Trần Thị V1 thì Công ty cổ phần X và ông Hà Đức D đã hỗ trợ tiền viện phí điều trị thương tích của bà V1 là 2.000.000đ. Bà V1 yêu cầu được bồi thường tổn thương cơ thể và tinh thần thêm số tiền 15.000.000đ. Đối với thiệt

hại là hư hỏng xe ô tô tải biển kiểm soát 89H-020.64 sau tại nạn giao thông: Công ty cổ phần X và Hà Đức D đã sửa chữa khắc phục xong. Chủ sở hữu xe ô tô tải biển kiểm soát 89H-020.64 đã nhận lại phương tiện, không yêu cầu hay khiếu nại, thắc mắc gì.

Tại bản Cáo trạng số 86/CT-VKS-ĐT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố Hà Đức D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 260 của Bộ Luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án số 108/2025/HS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025; Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng) đã xử:

1. Tuyên bố bị cáo Hà Đức D phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm c khoản 1 Điều 260, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hà Đức D 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an tỉnh L và Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Hà Đức D về cho Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Hà Đức D thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Hà Đức D số tiền 400.000đ/tháng tương ứng với thời gian chấp hành án.

2. Về trách nhiệm Dân sự:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, các Điều 584, 585, 590, 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc Công ty cổ phần X có nghĩa vụ bồi thường thêm cho các bị hại ông Nguyễn Vĩnh Đ, bà Trần Phương T1 (ông Đ, bà T1 là vợ chồng) số tiền 200.000.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án.

Ngày 23/6/2025 ông Nguyễn Thanh T2, người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần X (sau đây gọi tắt là Công ty X) kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị cáo Hà Đức D chịu trách nhiệm liên đới cùng Công ty X bồi thường số tiền 420.000.000đ cho vợ chồng ông Nguyễn Vĩnh Đ, bà Trần Thị T4. Tuyên bị cáo Hà Đức D phải bồi thường lại cho Công ty X số tiền thực tế sau khi Công ty đã nộp thi hành án cho vợ chồng ông Đ, bà T4.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Thanh T2, người đại diện hợp pháp của Công ty X, đề xuất phương án thỏa thuận: Công ty X bồi thường số tiền 120.000.000đ, bị cáo Hà Đức D bồi thường số tiền 80.000.000đ; vợ chồng ông Đ, bà T4 không đồng ý, yêu cầu Công ty X phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền 200.000.000đ cho vợ chồng ông, bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần X; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần X đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Theo hồ sơ thể hiện; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng và biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Bị cáo Hà Đức D có giấy phép lái xe hạng E do Sở giao thông vận tải tỉnh L cấp ngày 05/10/2023, có giá trị đến ngày 05/10/2028. Ngày 01/6/2024 D điều khiển xe ô tô khách biển kiểm soát 50F-054.09 của Công ty X từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Đ. Khoảng 04 giờ 10 phút ngày 02/6/2024 khi điều khiển xe đến Km 196+200, quốc lộ B thuộc địa phận xã P, huyện Đ do thiếu chú ý quan sát nên đã va chạm với xe ô tô tải biển kiểm soát 89H-020.64 do ông Lê Trần T3 đang dừng phía trước bên phải cùng chiều. Hậu quả làm 03 hành khách trên xe ô tô khách biển kiểm soát 50F-054.09 gồm vợ chồng ông Nguyễn Vĩnh Đ, bà Trần Phương T1 và bà Trần Thị V1 bị thương, hai phương tiện hư hỏng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

huyện Đ đã trưng cầu giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể và cơ chế hình thành vết thương của ông Nguyễn Vĩnh Đ, bà Trần Phương T1 và bà Trần Thị V1; xét nghiệm nồng độ cồn và chất ma túy của Hà Đức D, kết quả như sau: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà V1 tại thời điểm giám định là 01% (một phần trăm), tổn thương do va đập (BL 112 – 115); tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Đ tại thời điểm giám định là 74% (bảy mươi bốn phần trăm), các thương tích trên cơ thể của ông Đ có đặc điểm phù hợp do tác động tương hỗ với vật tày gây ra (BL 116-117); tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà T1 tại thời điểm giám định là 28% (hai mươi tám phần trăm), các thương tích trên cơ thể của bà T1 có đặc điểm phù hợp do tác động tương hỗ với vật tày gây ra; kết quả đo nồng độ cồn đối với D lúc 08 giờ 47 phút ngày 02/6/2024 là 0,000 mg (BL 330); kết quả xét nghiệm chất gây nghiện trong nước tiểu của Dân lúc 15 giờ 00 phút ngày 02/6/2024 là âm tính (BL 326).

Theo Kết luận định giá tài sản số 92/KL-HĐĐGTS ngày 20/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Đ đã xác định giá trị thiệt hại hư hỏng của xe ô tô tải biển kiểm soát 89H-020.64 là 36.543.000đ (BL 122-123).

[3.2] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử Hà Đức D phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo, các bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của Công ty X thì thấy rằng:

[4.1] Để khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm mà Hà Đức D gây ra, Công ty X và D đã chi trả tiền viện phí điều trị thương tích cho vợ chồng ông Đ, bà T1 là 216.000.000đ. Công ty X và D hỗ trợ tiền viện phí thương tích của bà V1 là 12.000.000đ, bà V1 không yêu cầu gì thêm. Đối với thiệt hại là hư hỏng xe ô tô tải biển kiểm soát 89H-020.64 thì Công ty X và D đã sửa chữa khắc phục xong, chủ sở hữu xe ô tô đã nhận lại phương tiện, không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Vĩnh Đ yêu cầu bồi thường tổn thương cơ thể và tinh thần thêm 150.000.000đ, bà Trần Phương T1 yêu cầu bồi thường tổn thương cơ thể và tinh thần thêm 50.000.000đ; cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu nói trên và buộc Công ty X phải bồi thường thêm cho vợ chồng ông Đ, bà T1 số tiền vừa nêu.

[4.2] Xét thấy, vào ngày 02/6/2024 trong quá trình điều khiển xe ô tô biển số 50F-054.09 thuộc quyền sở hữu của Công ty X; do thiếu chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ dẫn đến xe ô tô do Hà Đức D điều khiển đã tông vào xe ô tô tải biển kiểm soát 89H-020.64 do ông Lê Trần T3 điều khiển đang dừng phía trước bên phải cùng chiều dẫn đến thiệt hại về sức khỏe và tài sản của người khác; lỗi gây ra thiệt hại nói trên hoàn toàn thuộc về bị cáo D.

Theo hồ sơ thể hiện thì vào ngày 11/9/2023 Công ty X và Hà Đức D ký hợp đồng lao động số 2902/2023/HĐLD. Do đó Công ty X vừa là người sử dụng lao động vừa là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ là xe ô tô biển số 50F-054.09 nên phải có trách nhiệm bồi thường đối với những thiệt hại mà người lao động của Công ty và nguồn nguy hiểm cao độ do Công ty S gây ra. Do đó, cấp sơ thẩm đã buộc Công ty X phải bồi thường thêm cho bị hại là vợ chồng Đ, bà T1 số tiền 200.000.000đ là có cơ sở.

[4.3] Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bên không tranh chấp hay thắc mắc gì về số tiền 200.000.000đ mà cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn Dân sự phải bồi thường; chỉ không thống nhất về phương thức, tỷ lệ và xác định chủ thể có trách nhiệm bồi thường số tiền nói trên.

Ông Nguyễn Thanh T2, người đại diện hợp pháp của Công ty X, đề xuất phương án thỏa thuận là Công ty sẽ bồi thường số tiền 120.000.000đ, bị cáo Hà Đức D bồi thường số tiền 80.000.000đ còn lại cho vợ chồng ông Đ, bà T1. Tuy nhiên bị hại là vợ chồng ông Đ, bà T1 không đồng ý, chỉ yêu cầu Công ty X có trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên không có cơ sở để công nhận sự thỏa thuận vừa nêu.

Trong trường hợp Công ty X đã bồi thường thiệt hại xong thì có quyền yêu cầu người có lỗi trong việc gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật.

[5] Với những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty X; giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm về việc buộc Công ty X phải bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông Đ, bà T1.

[6] Các phần khác của quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Công ty cổ phần X phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần X, giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Về trách nhiệm Dân sự:

Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 590 và Điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Buộc Công ty cổ phần X có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Vĩnh Đ, bà Trần Phương T1 số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí sơ thẩm: Buộc Công ty cổ phần X phải chịu 10.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần X phải chịu án 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Gđ, Ktr, Ttr & THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND khu vực 2 – Lâm Đồng (01);
- VKSND khu vực 2 – Lâm Đồng (01);
- Phòng THADS khu vực 2 – Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo (01);
- Bị hại (02);
- Bị đơn dân sự (01);
- Người liên quan (03);
- Hồ sơ THAHS (07);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn (03).

Huỳnh Châu Thạch